

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG
TIN
Số: 48/2006/TT-BVHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định 12/2006/NĐ-CP
ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế
và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công
và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài**

Căn cứ Nghị định 63/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá - Thông tin;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành Văn hóa - Thông tin được quy định tại Phụ lục số 01 (khoản 2, khoản 3 - mục I và khoản 4 - mục II) và Phụ lục số 03 (mục V) ban hành kèm theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP, như sau:

A- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

1. Hàng hóa, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu trong danh mục quản lý chuyên ngành văn hóa - thông tin thuộc lĩnh vực kinh doanh đặc thù được điều chỉnh thông qua các Luật như: Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản Văn hóa, các văn bản quy phạm pháp luật khác về văn hoá - thông tin.

2. Đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành văn hóa - thông tin không nhằm mục đích kinh doanh (phi mậu dịch) thực hiện theo Nghị định số 88/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

3. Việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05/12/2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài.

4. Việc ghi và sử dụng mã số HS:

4.1. Mã số HS trong Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 82/2003/QĐ-BTC ngày 13/06/2003 của Bộ Tài chính và trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/07/2003 của Bộ Tài chính nhằm xác định tên gọi, mô tả chủng loại và phân loại mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Mã số HS trong Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi không quy định về nội dung hay quyền sở hữu đối với hàng hóa.

Do vậy, việc xác định hàng hoá chuyên ngành văn hoá - thông tin có cùng mã số HS (như sách, báo, phim, băng, đĩa, tác phẩm mỹ thuật, di vật, cổ vật...) thuộc diện được xuất khẩu, nhập khẩu hay thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu phải căn cứ trên cơ sở thẩm định nội dung hoặc quyền sở hữu đối với hàng hóa.

4.2. Trường hợp sau khi đã thực hiện việc xác định mã số HS của hàng hoá mà vẫn chưa xác định được hàng hoá đó thuộc mã số HS nào trong Biểu thuế xuất nhập khẩu (hoặc hàng hoá đó chưa có mã số HS) thì khi làm thủ tục xuất nhập khẩu phải lấy mẫu hàng hoá đó để tiến hành trưng cầu giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành phục vụ cho việc phân loại theo mã HS.

4.3. Về nguyên tắc áp mã số HS:

+ Danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hoá - thông tin được ghi theo đúng mã số HS trong Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi (nếu hàng hóa đó có mã số HS).

+ Việc áp mã số HS để xác định hàng hoá thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hay được phép xuất khẩu, nhập khẩu cần phải căn cứ theo các quy định cụ thể tại Thông tư này.

B- HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

I. HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU

1. Danh mục:

TT	Mô tả hàng hóa	Mã số HS
a)	- Di vật, cổ vật thuộc: Sở hữu toàn dân, sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. - Bảo vật quốc gia thuộc tất cả các hình thức sở hữu	9705; 9706
b)	Các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam bao gồm: - Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch...)	4901; 4902; 4903 4904; 4905; 4906 4909; 4910; 4911
	- Các loại băng, đĩa ghi âm, băng đĩa ghi hình, các loại phim, các loại băng từ, đĩa mềm, đĩa quang đã ghi nội dung, các sản phẩm công nghệ khác đã ghi thông tin ở dạng chữ viết, âm thanh: hoặc hình ảnh.	3706; 8524
	- Tác phẩm mỹ thuật.	9701; 9702; 9703

(Mô tả chi tiết mã HS theo phân nhóm 6 và 8 số tại Phụ lục kèm theo)

2. Nguyên tắc quản lý:

2.1. Cấm xuất khẩu: di vật, cổ vật thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; bảo vật quốc gia thuộc tất cả các hình thức sở hữu:

- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải được quản lý trong các bảo tàng và không được mua bán, trao đổi, tặng cho (theo quy định tại điều 43 Luật Di sản năm 2001).

- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại điều 42 Luật Di sản văn hóa và Điều

23 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ.

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để xác định chủ sở hữu thuộc đối tượng sở hữu nào.

2.2. Cấm xuất khẩu: các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam:

Văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam là văn hoá phẩm:

- Có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Có nội dung tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động bạo lực, truyền bá tư tưởng phản động, kích động lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục.

- Có nội dung thuộc về bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và các bí mật khác do pháp luật quy định.

- Có nội dung thông tin sai sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống nhằm xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

- Văn hóa phẩm vi phạm các quy định về cấm lưu hành, phổ biến tại Việt Nam theo quy định tại Luật Xuất bản, Luật Báo chí, Luật Di sản văn hóa, Pháp lệnh Quảng cáo, các quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự. Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác của Nhà nước Việt Nam.

II- HÀNG HÓA CẤM NHẬP KHẨU

1. Danh mục:

Danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu và mã HS quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B (các loại văn hoá phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam).

2. Nguyên tắc quản lý:

Các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam là văn hoá phẩm được quy định tại điểm 2.2 khoản 2 mục I phần B.

C. HÀNG HÓA ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN.

I. HÀNG HÓA ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU

1. Danh mục:

TT	Mô tả hàng hoá	Mã số HS
a)	Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch...) không quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B	4901; 4902; 4903 4904; 4905; 4906 4909; 4910; 4911
b)	Tác phẩm điện ảnh và sản phẩm nghe nhìn khác được sản xuất trên mọi chất liệu không quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B	3706; 8524
c)	Các tác phẩm mỹ thuật thuộc các thể loại được sản xuất trên mọi chất liệu không quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B <i>(Các tác phẩm mỹ thuật là những sản phẩm sáng tạo mỹ thuật, không sản xuất hàng loạt mà chỉ được làm từng sản phẩm một, mỗi tác phẩm có giá trị riêng biệt như: bức tranh, pho tượng, bức phù điêu...)</i> <i>(Hàng thủ công mỹ nghệ không thuộc loại tác phẩm mỹ thuật)</i>	9701; 9702; 9703
d)	Di vật, cổ vật không thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.	9705; 9706

(Mô tả chi tiết mã số HS theo phân nhóm 6 và 8 tại Phụ lục kèm theo)

2. Nguyên tắc quản lý:

2.1. Đối với các loại hàng hóa nêu tại điểm a, b, c khoản 1 mục I phần C: được phép xuất khẩu theo nhu cầu, Bộ Văn hóa - Thông tin không cấp giấy phép, không phê duyệt nội dung, số lượng, trị giá sản phẩm xuất khẩu. Thủ tục xuất khẩu giải quyết tại Hải quan.

- Hàng hóa thuộc điểm a, b khoản 1 mục I phần C được xuất khẩu với điều kiện đã được phép sản xuất, phổ biến và lưu hành tại Việt Nam.

- Hàng hóa thuộc điểm c khoản 1 mục I phần C khi xuất khẩu phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc rõ ràng, về chủ sở hữu của tác phẩm theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với các loại hàng hoá nêu tại điểm d khoản 1 mục I phần C: khi xuất khẩu phải có giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Văn hóa -